TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 272/2019/DS-PT;
Ngày: 17/9/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phuc thẩm gồm có:

Thẩm phán_ chủ toạ phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Thúy**

Các Thẩm phán: **- Ông Vũ Toàn Giang**

- Ông Đinh Như Lâm

Thư ký ghi biên bản phiên toà*:* **Ông Phạm Thái An**- Thư ký Toà án NDTP. Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát NDTP. Hà Nội: **Bà Nguyễn Thúy Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 17/9/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 233/2019/TLPT-DS ngày 17/7/2019, về việc: *Tranh chấp chia thừa kế*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 108/2018/DS-ST ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 264/2019/QĐXXPT-DS ngày 22/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 339/2019/QĐST-DS ngày 09/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức Dương, sinh năm 1954 *(có mặt)*.

Trú tại: Xóm Xuân Hoà, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Bà Xuân Thị Hiền, sinh năm 1947 *(có mặt)*.

Trú tại: Thôn Gạch, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1- Bà Đức Thị Ngọc, sinh năm 1957 *(có mặt)*.

Trú tại: Thôn Đông, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội.

3.2- Ông Nguyễn Đức Yên, sinh năm 1951 *(Có mặt)*.

Trú tại: Thôn Gạch, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

3.3. Ông Nguyễn Đức Cường, sinh năm 1960 *(Có mặt)*

Trú tại: Thôn Gạch, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội.

3.4. Chị Đức Thị Lan, sinh năm 1979 *(vắng mặt)*.

Trú tại: Đội 7, xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

3.5. Anh Nguyễn Đức Hải, sinh năm 1974 *(vắng mặt)*.

3.6. Anh Nguyễn Đức Long, sinh năm 1976 *(vắng mặt)*.

3.7. Anh Nguyễn Đức Tuấn, sinh năm 1982 *(vắng mặt)*.

3.8. Chị Chung Thị Bích, sinh năm 1982 *(vắng mặt)*.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Đức Hải, anh Nguyễn Đức Long, anh Nguyễn Đức Tuấn, chị Đức Thị Lan, chị Chung Thị Bích: Bà Xuân Thị Hiền sinh năm 1947 (có mặt)

3.9. Cháu Nguyễn Thị Quỳnh Hương, sinh năm 2011.

3.10. Cháu Nguyễn Đức Tuấn Đạt, sinh năm 2013.

Đều trú tại: Thôn Gạch, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội. *Người đại diện theo pháp luật của cháu Hương, cháu Đạt*: Anh Nguyễn Đức Tuấn và chị Chung Thị Bích (là bố mẹ đẻ)

3.11. UBND xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Địa chỉ: Xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Viết Hùng; chức vụ: Chủ tịch UBND xã. *(vắng mặt).*

3.12. Bà Đăng Thị Bảy, sinh năm 1919. Nơi cư trú: Xóm Hàn, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

Người kháng cáo: 1. Bà Xuân Thị Hiền

2. Ông Nguyễn Đức Cường

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Đức Dương trình bày:

Bố ông là cụ Nguyễn Đức Thoả đã chết năm 1974. Cụ Nguyễn Đức Thỏa có 2 vợ: vợ cả là cụ Đăng Thị Bốn đã chết 1991 và vợ hai là cụ Bá Thị Bé (là mẹ đẻ ông) đã chết tháng 9 năm 2011. Cụ Thoả và cụ Bốn không sinh được người con nào. Bố mẹ cụ Bốn chết trước cụ Bốn. Cụ Thoả và cụ Bé sinh được 5 người con gồm:

- Ông Nguyễn Đức Chương(ông Chương chết tháng 5 năm 2011 có vợ là bà Xuân Thị Hiền và 4 con là Nguyễn Đức Long, Nguyễn Đức Tuấn, Nguyễn Đức Hải và Đức Thị Lan)

- Ông Nguyễn Đức Yên, sinh năm 1951.

- Ông Nguyễn Đức Dương, sinh năm 1954.

- Bà Đức Thị Ngọc, sinh năm 1957.

- Ông Nguyễn Đức Cường, sinh năm 1960.

Cụ Nguyễn Đức Thoả và cụ Bá Thị Bé để lại thửa đất số 271 tại thôn Gạch, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, Hà Nội. Thửa đất đã được Uỷ ban hành chính Hà Đông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Nguyễn Đức Thỏa vào năm 1956, diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận là 10 thước Bắc Bộ = 240m^2 nhưng diện tích đất thực tế là 298,5m^2. Trên đất có 1 ngôi nhà cấp 4 và 02 bể nước, sân gạch. Khi còn sống, cụ Bé chưa chia đất cho ai. Năm 1982, cụ Bé cùng ông Chương và ông Yên phá nhà cũ xây lại 4 gian nhà để ở và thờ cúng như hiện nay. Năm 2016, anh Tuấn và chị Bích là con trai và con dâu của ông Chương, bà Hiền đã xây 01 ngôi nhà 2,5 tầng trên một phần diện tích đất. Khi đào móng ông biết, ông đã ngăn cản nhưng anh Tuấn và chị Bích vẫn xây. Thửa đất cụ Thỏa và cụ Bé để lại có trong bản đồ địa chính của xã nằm cạnh rãnh nước cạn có chiều rộng 01m trong địa phận thửa đất của cụ Tuyển (nay bà Tuất là con gái đang trông nom), không nằm trong ranh giới thửa đất của cụ Thỏa và cụ Bé. Khi bố mẹ ông còn sống, thửa đất có ranh giới rõ ràng, giữa các gia đình có tường đất, chỉ có phía rãnh là có hàng rào cây găng và duối.

Khi cụ Bé còn sống có đưa cho ông giữ một bản di chúc đề ngày 02/9/2010 có chữ ký của hai người làm chứng là bà Hường và bà Hợp, có điểm chỉ của cụ Bé và ông đã nộp trong tập hồ sơ khởi kiện.

Nay ông yêu cầu chia thừa kế tài sản bố mẹ ông để lại là diện tích đất theo hiện trạng thực tế của thửa đất số 271 tại thôn Gạch, xã Sơn Đồng là 298,5m^2, ông không yêu cầu chia tài sản gắn liền với đất.

Bị đơn là bà Xuân Thị Hiền đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Anh Nguyễn Đức Hải, anh Nguyễn Đức Long, anh Nguyễn Đức Tuấn, chị Đức Thị Lan, chị Chung Thị Bích trình bày:

Về lý lịch và quan hệ huyết thống như ông Dương trình bày là đúng.

Về nguồn gốc thửa đất hiện nay ông Dương đang tranh chấp với bà có nguồn gốc của bố mẹ chồng bà để lại có diện tích là 240m^2 đang do gia đình bà quản lý, sử dụng. Bà kết hôn với ông Chương năm 1973 và về nhà đất này ở luôn từ đó đến nay. Năm 1986, thực hiện việc kê khai nhà, đất vợ chồng bà đã đi kê khai thửa đất này đứng tên chồng bà là ông Nguyễn Đức Chương. Khi kê khai để thu thuế nhà, đất bà và ông Chương chỉ kê khai diện tích thửa đất là 200m^2 nhưng thực tế diện tích thửa đất là 240m^2.

Sau khi bố chồng bà chết, cụ Bé và vợ chồng bà trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất này. Năm 1982, do nhà ở xuống cấp, được sự đồng ý của mẹ chồng bà

là cụ Bé, vợ chồng bà đã phá nhà cũ đi và xây lại ngôi nhà 4 gian như hiện nay. Cụ Bé ở trên thửa đất đó ở chung cùng ông Cường tại gian nhà dưới. Khi cụ Thoả còn sống cụ có phân chia thửa đất trên cho vợ chồng bà và ông Cường, còn ông Yên ông Dương đi thoát ly nên không được chia, vì vậy năm 1985mẹ chồng bà yêu cầu vợ chồng bà hỗ trợ ông Cường tiền để ông Cường đi chỗ khác ở để giao lại thửa đất này cho vợ chồng bà. Vợ chồng bà đã đưa tiền để ông Cường mua đất như yêu cầu của mẹ chồng bà. Sau khi ông Cường mua đất xây nhà ra chỗ khác thì cụ Bé chuyển đến ở cùng ông Cường. Sau khi cụ Thoả chết, năm 1979 bà và ông Chương trả nợ Hợp tác xã tín dụng xã Sơn Đồng số tiền 65 đồng, số tiền này là do cụ Thoả vay trước đó. Toàn bộ tài sản của bố mẹ chồng bà để lại đã bị phá dỡ hiện nay không còn tài sản gì. Quá trình quản lý sử dụng đất vợ chồng bà đã cải tạo cơi nới ra rãnh thoát nước ở bên cạnh nhà, nên diện tích thửa đất mới tăng lên như hiện nay là 298,5m^2. Năm 2016, vợ chồng anh Tuấn, chị Bích là con trai và con dâu bà đã xây 1 ngôi nhà 2,5 tầng trên thửa đất. Nay ông Dương khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của bố mẹ chồng bà để lại với diện tích 298,5m^2, bà không đồng ý vì: Thửa đất số 271 hiện nay bà cùng các con cháu đang quản lý sử dụng là tài sản của vợ chồng bà; vợ chồng bà bỏ ra số tiền 35.000đ mua thửa đất ở nơi khác để cho cụ Bé và ông Nguyễn Đức Cường sử dụng, tương đương 07 thước Bắc Bộ = 168m^2. Do đó, chỉ còn còn 03 thước Bắc Bộ = 72m^2 là di sản thừa kế của cụ Thỏa và cụ Bé để lại. Nay bà đề nghị xem xét phần công sức của vợ chồng bà trong việc trông nom mẹ già (cụ Đăng Thị Bốn) và trả nợ cho cụ Thỏa. Phần chênh lệch diện tích thửa đất trên thực tế so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 58,5m^2, bà đề nghị xem xét cho gia đình bà sử dụng vì diện tích đất này là do vợ chồng bà cải tạo tận dụng rãnh nước và hàng rào xung quanh. Bà xin hưởng kỷ phần thừa kế của vợ chồng bà tại vị trí đất có nhà do vợ chồng anh Tuấn chị Bích xây dựng và đề nghị giao kỷ phần của vợ chồng bà được hưởng cho con trai và con dâu là anh Tuấn và chị Bích. Bà đồng ý nhận kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Đức Cường là 168m^2, và đồng ý giao kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Đức Cường được hưởng cho con trai và con dâu là anh Tuấn và chị Bích sử dụng.

Ngày 19 tháng 12 năm 2018, Tòa án đã thụ lý yêu cầu phản tố của bà Xuân Thị Hiền, với nội dung: Đề nghị xem xét phần công sức của vợ chồng bà Hiền trong việc trông nom, nuôi dưỡng, ma chay cho cụ Đăng Thị Bốn và trả nợ cho cụ Thỏa tại Hợp tác xã tín dụng xã Sơn Đồng số tiền 65 đồng vào năm 1979; yêu cầu được hưởng phần diện tích đất vợ chồng bà vợ chồng bà cải tạo chênh lệch so với giấy chứng nhận thửa đất của cụ Thỏa là 58,5m^2; đề nghị xin lại 07 thước đất cụ Bé đã phân chia cho ông Nguyễn Đức Cường (do trước đây vợ chồng bà đã hỗ trợ cho ông Cường tiền để mua đất ở chỗ khác để được sử dụng phần đất của ông Cường).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức Yên trình bày:

Ông thừa nhận lời trình bày của ông Nguyễn Đức Dương về quan hệ huyết thống là đúng. Nguồn gốc di sản ông Nguyễn Đức Dương yêu cầu chia thừa kế với bà Xuân Thị Hiền là của bố mẹ ông là cụ Nguyễn Đức Thoả và cụ Bá Thị Bé để lại ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 10 thước = 240m^2 nhưng chưa đo đạc bao giờ, vừa rồi xảy ra tranh chấp đo hiện trạng là 298,5m^2. Cụ Thỏa đã được Uỷ ban hành chính Hà Đông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này vào năm 1956. Trên đất có 1 ngôi nhà lá cọ 5 gian, bếp, 02 bể nước, sân gạch. Năm 1974, bố ông chết không để lại di chúc. Năm 2011, mẹ ông chết có để lại di chúc và ghi âm di chúc bằng lời.

Ông đồng ý với ý kiến của ông Dương về yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại theo quy định của pháp luật là thửa đất hiện nay gia đình bà Xuân Thị Hiền đang quản lý có diện tích 298,5m^2 (đất thổ cư không có tranh chấp với các hộ giáp ranh xung quanh hàng trăm năm nay), ông đồng ý với ý kiến của ông Dương. Ông không yêu cầu chia thừa kế các tài sản gắn liền với đất do các cụ để lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đức Thị Ngọc có lời khai đồng ý với toàn bộ quan điểm, ý kiến của ông Nguyễn Đức Dương và không bổ sung thêm ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức Cường trình bày:

Ông thừa nhận lời trình bày của ông Nguyễn Đức Dương về quan hệ huyết thống là đúng.

Nguồn gốc thửa đất có tranh chấp hiện nay là của cụ Thỏa và cụ Bé để lại, diện tích thửa đất cụ thể là bao nhiêu ông không biết vì lúc đó không ai đo đạc cụ thể, mẹ ông áng chừng 14 thước Bắc Bộ. Năm 1985, cụ Bé chia bằng miệng thửa đất đó cho ông Chương và ông mỗi người một nửa. Sau đó, cụ Bé lại thay đổi, thống nhất vợ chồng ông Chương đỡ tiền cho ông là 35.000đ (ba mươi lăm nghìn đồng) để đi mua đất ở chỗ khác. Nay ông xin giao trả kỷ phần thừa kế của ông được hưởng cho vợ chồng ông Chương và bà Hiền sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Bảy trình bày: Bố bà là cụ Nguyễn Đăng Tư, mẹ bà là Duy Thị Sự, bố mẹ bà chết năm nào bà không nhớ. Bố mẹ bà sinh được hai chị em gồm bà Đặng Thị Bốn (chết năm 1991) và bà Đăng Thị Bảy. Bố mẹ bà không có con nuôi con đẻ nào khác. Toàn bộ tài sản nhà đất trong vụ án chia thừa kế giữa ông Dương vời bà Hiền, bà xác định bà không liên quan, không có quyền lợi gì và bà không yêu cầu quyền lợi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã Sơn Đồng có ý kiền tại Biên bản làm việc ngày 17/7/2017 và tại Văn bản số 02/BC-UBND ngày 14/01/2019 có nội dung:

Theo các tài liệu, sổ sách địa chính về thửa đất đang có tranh chấp địa phương còn lưu giữ thể hiện cạnh phía Nam giáp với rãnh tiêu thoát nước chung của khu vực, các cạnh còn lại giáp ranh với các hộ dân; diện tích thửa đất có sự biến động tăng, giảm về diện tích qua các thời kỳ, cụ thể:

- Theo bản đồ năm 1986, thửa đất đang tranh chấp có số thửa 859, diện tích 200 m^2, đứng tên kê khai là ông Nguyễn Đức Chương, địa chỉ thửa đất xóm Gạch, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;

- Theo bản đồ năm 2004, thửa đất đang tranh chấp có số thửa 271, diện tích 358 m^2, đứng tên kê khai là ông Nguyễn Đức Chương, địa chỉ thửa đất xóm Gạch, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- Việc kê khai và ghi diện tích đất năm 1986 và năm 2004 là do gia đình bà Hiền tự kê khai. Việc diện tích đất tăng lên 58,5 m2 so với việc cáp đất năm 1956 là do gia đình bà Hiền lấn ra phần rãnh thoát nước chung và hiện nay diện tích đất 298,5 m2 này là đất thổ cư nằm trong khu dân cư, phù hợp với quy hoạch địa phương, đề nghị Tòa xem xét công nhận diện tích như hiện trạng hiện nay và xem xét công tôn tạo, cơi nới thêm cho gia đình ông Chương, bà Hiền đối với phần cải tạo thêm này.

- Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức thì hộ bà Xuân Thị Hiền đang sử dụng diện tích đất thực tế là 304,7m^2, trong đó có 10m^2 hộ bà Hiền sử dụng đã làm bếp lợp mái tôn trên phần mặt tiêu thoát nước chung của thôn.

- Việc biến động về diện tích thửa đất là do công tác dẫn đạc, đánh dấu mốc đo đạc không chính xác. Trên thực tế, thửa đất có mốc giới rõ ràng, từ trước đến nay hộ gia đình cụ Thỏa, ông Chương và bà Hiền quản lý, sử dụng đất ổn định. Tuy nhiên, tại phần đất giáp cống tiêu thoát nước chung của thôn, hộ bà Hiền tự ý lợp mái tôn và làm bếp trên mặt cống, không được sự đồng ý của chính quyền địa phương. Nay UBND xã kiến nghị Tòa án buộc hộ bà Hiền phải tháo dỡ tài sản trên mặt cống tiêu thoát nước chung.

- UBND xã không có tài liệu nào lưu giữ thể hiện việc cụ Nguyễn Đức Thỏa đã đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất đối với thửa đất đang có tranh chấp. Việc UBND xã ghi tên ông Nguyễn Đức Chương đứng tên kê khai đất vào năm 1986 và năm 2001 là do tại thời điểm Nhà nước kê khai đất đai, ông Chương là người trực tiếp sinh sống và quản lý đất và đi kê khai thì UBND xã ghi tên người đi kê khai.

UBND xã Sơn Đồng xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án tiến

hành tố tụng đối với vụ án.

- Hiện nay, UBND xã Sơn Đồng không lưu giữ tài liệu gì liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hợp tác xã tín dụng xã Sơn Đồng, do đó UBND xã không có cơ sở để cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động của Hợp tác xã tín dụng xã Sơn Đồng.

Bản án sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức **xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức Dương việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Đức Thỏa và cụ Bá Thị Bé.

2. Xác định di sản của cụ Nguyễn Đức Thỏa và cụ Bá Thị Bé để lại là 294,7m^2, có giá trị là 2.947.000.000đ.

3. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Thỏa là năm 1974, thời điểm mở thừa kế của cụ Bốn năm 1991, thời điểm mở thừa kế của cụ Bé là tháng 9/2011. Chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Đức Thỏa và cụ Bá Thị Bé để lại theo pháp luật.

4. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thỏa và cụ Bé gồm: Ông Nguyễn Đức Dương, ông Nguyễn Đức Yên, bà Đức Thị Ngọc, ông Nguyễn Đức Cường và các con của ông Chương gồm: Anh Nguyễn Đức Hải, anh Long, anh Nguyễn ĐứcTuấn, chị Đức Thị Lan. Xác định hàng thừa kế thứ hai của cụ Đăng Thị Bốn gồm bà Đăng Thị Bảy.

5. Ghi nhận sự tự của ông Nguyễn Đức Cường giao kỷ phần thừa kế được hưởng cho bà Xuân Thị Hiền, anh Nguyễn Đức Long, anh Nguyễn Đức Tuấn, anh Nguyễn Đức Hải và chị Đức Thị Lan sử dụng.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đăng Thị Bảy từ chối hưởng di sản thừa kế.

7. Ghi nhận sự tự nguyện bà Xuân Thị Hiền đề nghị giao gộp kỷ phần thừa kế của các thành viên trong gia đình bà được hưởng gộp chung một khối.

8. Xác định ngõ đi chung của ông Dương, ông Yên, bà Ngọc, bà Hiền, anh Nguyễn Đức Long, anh Nguyễn Đức Tuấn, anh Nguyễn Đức Hải và chị Đức Thị Lan có diện tích là 37,5m^2.

9. Giao các đương sự sử dụng, sở hữu tài sản như sau:

- Giao ông Nguyễn Đức Dương sử dụng diện tích đất: 46,5m^2 có giá trị 465.000.000đ (bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng) và sở hữu 30m^2 nhà cấp bốn do ông Chương và bà Hiền xây dựng có giá trị 22.560.000đ (hai mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Giao ông Nguyễn Đức Yên sử dụng diện tích đất 42m^2 có giá trị 420.000.000đ (bốn trăm hai mươi triệu đồng) và sở hữu 15,7m^2 nhà cấp bốn do ông Chương và bà Hiền xây dựng có giá trị 11.806.000đ (mười một triệu tám trăm linh sáu nghìn đồng).

- Giao bà Đức Thị Ngọc sử dụng diện tích đất 40,1m^2 có giá trị 401.000.000đ (bốn trăm linh một triệu đồng).

- Giao bà Xuân Thị Hiền sử dụng 128,6m^2 có giá trị 1.286.000.000đ và sở hữu các tài sản trên phần đất được giao gồm: Nhà 3 tầng có giá trị 1.134.003.600đ; đoạn tường bao giáp hộ ông Dẫn có giá trị 8.027.000đ; 40,7m^2 sân láng xi măng có giá trị 4.517.000đ; 01 giếng khoan làm năm 1990 có giá trị: 1.026.000đ; giếng khoan làm năm 2016 có giá trị 2.738.000đ; bể chứa nước giáp hộ ông Dẫn có trị 4.732.000đ, 17 m^2 tôn làm năm 2016 có giá trị 5.236.000đ. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền bà Hiền được sử dụng, sở hữu là: 2.445.253.600đ (Hai tỷ, bốn trăm bốn mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm đồng).

Các bên phải tự mở lối đi ra phần ngõ đi chung, có sơ đồ phân chia đất kèm theo.

10. Về thanh toán giá trị tài sản như sau:

- Ông Nguyễn Đức Dương có trách nhiệm thanh toán giá trị một phần diện tích nhà cấp 4 cho bà Xuân Thị Hiền số tiền 22.560.000đ (hai mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng); thanh toán giá trị chênh lệch kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Đức Yên số tiền 8.700.000đ (tám triệu bảy trăm nghìn đồng); thanh toán giá trị chênh lệch kỷ phần thừa kế cho bà Đức Thị Ngọc số tiền 27.600.000đ (hai mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Đức Yên có trách nhiệm thanh toán giá trị một phần diện tích nhà cấp 4 cho bà Xuân Thị Hiền số tiền 11.806.000đ (mười một triệu, tám trăm linh sáu nghìn đồng) và được nhận giá trị chênh lệch kỷ phần thừa kế do ông Nguyễn Đức Dương thanh toán là 8.700.000đ (tám triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Bà Đức Thị Ngọc được nhận giá trị chênh lệch kỷ phần thừa kế do ông Nguyễn Đức Dương thanh toán là 27.600.000đ (hai mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng).

- Bà Xuân Thị Hiền được nhận giá trị tài sản do ông Chương và bà Hiền phát triển được trên đất gồm: 11.806.000đ (mười một triệu, tám trăm linh sáu nghìn đồng) là giá trị một phần diện tích nhà cấp 4 do ông Nguyễn Đức Yên thanh toán; 22.560.000đ (hai mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng)là giá trị một phần diện tích nhà cấp 4 do ông Nguyễn Đức Dương thanh toán.

11. Anh Nguyễn Đức Tuấn và chị Chung Thị Bích phải tự tháo dỡ các tài sản do anh Tuấn và chị Bích phát triển trên phần đất giao cho ông Nguyễn Đức Dương, ông Nguyễn Đức Yên và bà Đức Thị Ngọc sử dụng.

12. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hiền tự nguyện tháo dỡ 01 bể chứa xây dựng năm 1990; 01 bể lọc nước xây dựng năm 1982 và 01 đoạn tường bao giáp bể nước cũ xây dựng năm 1990.

13. Bác yêu cầu phản tố của bà Xuân Thị Hiền.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý bản án sơ thẩm, bà Hiền và ông Cường có đơn kháng cáo.

Bà Hiền kháng cáo đề nghị Tòa án xác định di sản thừa kế của cụ Bé, cụ Thỏa chỉ là 240 m2 đất, phần đất dôi dư là công sức của vợ chồng bà; đề nghị Tòa án xem xét công sức của vợ chồng bà trong việc trả nợ HTX Tín dụng Sơn Đồng số tiền 65.000 đồng thay cho cụ Thỏa vào năm 1979; đề nghị Tòa án xem xét việc vợ chồng bà đưa cho ông Cường 35.000 đồng tương ứng 7 thước đất nhưng bản án sơ thẩm chỉ tuyên cho ông Cường được 1/6 diện tích đất là di sản thừa kế. đề nghị ông Cường phải trả lạ cho bà phần tiền còn thiếu.

Ông Cường kháng cáo đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được hưởng 3,5 thước đất là phần ông được cụ Bé di chúc cho theo " Đơn đề nghị xác nhận" ngày 12/01/2018 mà ông Dương, ông Yên, bà Ngọc và ông đã ký.

Tại phiên tòa hôm nay,

Ông Cường vắng mặt tại phiên tòa.

Bà Hiền trình bày: Đề nghị Tòa xem xét công sức của vợ chồng bà đối với việc tôn tạo, phát triển diện tích đất; xem xét việc bà đưa tiền cho ông Cường mua đất theo yêu cầu của cụ Bé tương đương 7 thước đất và cụ Bé đã đồng ý trừ cho bà vào 84 m2 đất theo di chúc ngày 02/9/2010 của cụ mà nguyên đơn xuất trình; xem xét công sức của vợ chồng bà trong việc chăm sóc, ma chay cho bố mẹ chồng và trả nợ số nợ của bố chồng bà là cụ Thỏa cho HTX Tín dụng Sơn Đồng năm 1979.

Ông Dương trình bày: Di chúc đề ngày 02/9/2010 mà ông nộp theo hồ sơ khởi kiện là do cụ Bé đưa cho ông giữ. Ông có đọc bản di chúc này khi mẹ ông đưa cho ông và ông có hỏi mẹ ông về số tiền vợ chồng ông Chương đưa cho ông Cường mua đất thì mẹ ông bảo có số tiền đó. Ông xác nhận di chúc này đúng là của cụ Bé và dấu vân tay trên di chúc là do cụ Bé điểm chỉ; nội dung bản di chúc thể hiện đúng ý chí của cụ Bé, cụ Bé lập di chúc này không bị ai ép buộc. Khi làm đơn khởi kiện ông có xuất trình bản chính cho Tòa án nhưng Tòa án chỉ nhận bản pho to; nay ông không tìm thấy bản chính chỉ còn giữ bản pho to.

Ông Yên xác nhận: Bản di chúc pho to lập ngày 02/9/2010 mà ông Dương nộp trong hồ sơ khởi kiện đúng là bản di chúc của cụ Bé để lại. Do cụ Bé không biết chữ nên có nhờ cháu lập và cụ điểm chỉ, có 2 người làm chứng ký là bà Hường và bà Hợp. Sau khi cụ Bé nhờ người lập hộ di chúc này có đưa cho ông, ông đọc và tôn trọng ý kiến của mẹ ông và ông đưa cho bà Hợp và bà Hường ký làm người làm chứng vào bản di chúc này. Ông xác định nội dung di chúc này đúng ý chí của mẹ ông và mẹ ông không bị ai ép buộc hay lừa dối. Khi ông vắng

nhà thì cụ Bé có đưa bản di chúc này cho ông Dương giữ. Theo ông đây là ý chí của mẹ ông thì ông tôn trọng, còn về luật pháp thì việc mẹ ông định đoạt cả phần của bố ông là không đúng.

Bà Ngọc trình bày: Bà được cụ Bé cho biết cụ có lập bản di chúc đưa cho ông Dương giữ. Nội dung bản di chúc pho to mà ông Dương xuất trình cho Tòa án đúng là ý chí của mẹ bà nói cho bà biết khi mẹ bà còn sống.

Bà Hiền trình bày: Khi ra Tòa bà mới được biết bản di chúc lập ngày 02/9/2010 của cụ Bé. Bà đồng ý với bản di chúc này vì là ý chí của mẹ chồng bà và bà đề nghị Tòa án chấp nhận di chúc này.

Về diện tích đất: Tất cả các đương sự đều đề nghị Tòa án xác định diện tích đất thực tế hiện nay gia đình bà Hiền đang sử dụng trừ phần đất cống thoát nước chung theo số đo thực tế là 294,7 m2.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các bước tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Nghị án;

Các đương sự chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ được pháp luật quy định.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng phần công sức của gia đình bà Hiền đối với diện tích đất dôi dư so với diện tích đất 240 m2 khi cụ Thỏa được cấp giấy chứng nhận năm 1956; tính công sức của vợ chồng bà Hiền trong việc trả nợ số nợ của cụ Thỏa đối với HTX tín dụng Sơn Đồng và công sức của vợ chồng bà Hiền trong việc chăm sóc ma chay cho cụ Thỏa, cụ Bé cho hợp lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được kiểm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

[I]. Về tố tụng:

Ông Nguyễn Đức Cường có đơn kháng cáo nhưng vắng mặt liên tiếp hai lần tại phiên tòa coi như ông Cường đã từ bỏ yêu cầu kháng cáo. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ việc xét yêu cầu kháng cáo của ông Cường.

[II]. Về nội dung:

[1]. Về di sản thừa kế, hàng, diện thừa kế. Nhận thấy,

Cụ Nguyễn Đức Thỏa có 02 vợ là: Cụ Bá Thị Bé và cụ Đăng Thị Bốn.

Cụ Nguyễn Đức Thỏa chết năm 1974. Cụ Đăng Thị Bốn chết năm 1991.Cụ Bá Thị Bé chết tháng 9/2010. Cụ Nguyễn Đức Thỏa và cụ Đăng Thị Bốn không có con chung.

Cụ Nguyễn Đức Thỏa và cụ Bá Thị Bé sinh được 05 người con gồm:

- Ông Nguyễn Đức Chương (đã chết tháng 5/2011). Ông Nguyễn Đức Yên; ông Nguyễn Đức Dương; bà Đức Thị Ngọc; ông Nguyễn Đức Cường.

Ông Nguyễn Đức Chương và bà Xuân Thị Hiền sinh được 05 người con là: Anh Nguyễn Đức Long, anh Nguyễn Đức Tuấn, anh Nguyễn Đức Hải và chị Đức Thị Lan.

Theo xác nhận của các đương sự, cụ Bốn và cụ Thỏa đã ly thân từ năm 1954, cụ Bốn ra Hà Nội làm thuê đến trước khi mất khoảng hơn một năm có về ở tại nhà đất tranh chấp cùng cụ Bé và vợ chồng bà Hiền và khi cụ Bốn chết tất cả các con cụ Bé đều có trách nhiệm lo may chay cho cụ Bốn, coi cụ Bốn như mẹ. Bố mẹ cụ Bốn chết trước cụ Bốn, cụ Bốn có 01 em gái là bà Đăng Thị Bảy. Bà Bảy có lời khai không nhận thừa kế của cụ Bốn.

Xét thấy, tài sản tranh chấp là diện tích đất tại thửa 271 thôn Gạch xã Sơn Đồng được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của cụ Thỏa với cụ Bốn, cụ Bé. Tuy nhiên, tất cả các đương sự đều xác nhận tài sản này chỉ do cụ Bé và cụ Thỏa tạo lập (mua) khi cụ Bốn đã ly thân cụ Thỏa và đều đề nghị xác định là của cụ Thỏa và cụ Bé để lại. Bà Bảy không tranh chấp và không yêu cầu được hưởng quyền lợi gì về diện tích đất này. Bản án sơ thẩm xác định diện tích đất tranh chấp tại thửa 271 nêu trên là di sản của cụ Thỏa, cụ Bé để lại. Vấn đề này không có kháng cáo, kháng nghị.

Về diện tích đất: Nhận thấy,

Nguyên đơn là ông Nguyễn Đức Dương và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức Yên và bà Đức Thị Ngọc đều cho rằng di sản thừa kế là thửa đất số 271 có diện tích theo hiện trạng là 294,7m^2 vì lý do diện tích thửa đất bố mẹ các ông bà để lại vẫn giữ nguyên từ xưa đến nay, không mua bán chuyển nhượng cho ai.

Bị đơn là bà Xuân Thị Hiền cho rằng di sản của các cụ để lại là diện tích đất 10 thước tương ứng 240m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ Thỏa đã được cấp giấy chứng nhận năm 1956. Còn phần diện tích đất dôi dư so với giấy chứng nhận là do gia đình bà trong quá trình sử dụng đã khai hoang thêm phần đất giáp rãnh tiêu thoát nước chung của thôn và ra xung quanh. Nay nếu phải chia thừa kế, bà Hiền chỉ đồng ý chia 240m^2, phần diện tích đất còn lại bà xin được sử dụng, nếu nhà nước thu hồi thì bà chấp nhận, bà không đồng ý chia phần diện tích đất này.

Xét thấy: Năm 1956, cụ Nguyễn Đức Thoả đã được Uỷ ban hành chính tỉnh Hà Đông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 271 nêu trên với diện tích là 10 thước tức 240m^2. Diện tích thực tế hiện gia đình bà Hiền đang quản lý, sử dụng là 294,7m^2 (sau khi đã trừ đi 10m^2 đất công mà bà Hiền đã làm bếp trên mặt cống). Theo xác minh tại UBND xã Sơn Đồng (BL 121b) thì diện tích thừa ra so với diện tích cụ Thỏa được cấp năm 1956 là do cạnh phía Nam giáp với rãnh tiêu thoát nước chung của khu vực, trong quá trình sử dụng gia đình bà Hiền có sự lấn ra rãnh thoát nước và hiện diện tích lấn này đã sử dụng ổn định, không vào quy hoạch, không có tranh chấp với các hộ liền kề, là đất thổ cư nằm trong khu dân cư. Do đó, có căn cứ xác định trong số diện tích đất 294,7m^2 là của cụ Thỏa cụ Bé để lại có công sức tu tạo, phát triển của vợ chồng bà Hiền ông Chương.

[2] Về công sức của vợ chồng bà Hiền:

Nhận thấy: Năm 1979 vợ chồng bà Hiền có công sức trả toàn bộ số nợ của cụ Thỏa cho HTX Tín dụng Sơn Đồng. Do vậy trước khi chia thừa kế di sản của cụ Thỏa cụ Bé về diện tích đất thửa 271 thì cần trích công sức của vợ chồng bà Hiền trong việc tu tạo, phát triển đất và công sức của vợ chồng bà đối với cụ Thỏa, cụ Bé trong việc trả nợ tiền nợ của cụ Thỏa cho HTX tín dụng Sơn Đồng.

Hội đồng xét xử xác định công sức của vợ chồng bà Hiền trong việc tu tạo, phát triển đất và công sức của vợ chồng bà đối với cụ Thỏa, cụ Bé tương đương 34,7 m2 tương ứng 347.000.000 đồng là phù hợp.

Bản án sơ thẩm xác định thời điểm mở thừa kế chung của cụ Thỏa và cụ Bé là thời điểm cụ Bé chết năm 2011 và xác định công sức của vợ chồng bà Hiền ông Chương bằng 01 kỷ phần thừa kế chung của cụ Thỏa, cụ Bé. Tuy nhiên, do thời điểm mở thừa kế của cụ Thỏa và cụ Bé khác nhau và trước khi chết cụ Thỏa không để lại di chúc còn trước khi chết cụ Bé để lại di chúc. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy việc xác định thời điểm mở thừa kế chung của cụ Thỏa và cụ Bé là thời điểm cụ Bé chết và tính công sức của vợ chồng bà Hiền bằng 01 kỷ phần thừa kế trong trường hợp này là không phù hợp.

Phần diện tích còn lại sau khi trích công sức của vợ chồng bà Hiền còn 260 m2 tương ứng 2.600.000.000 đồng. Chia tài sản chung của vụ chồng cụ Bé và cụ Thỏa, mỗi người được hưởng 260:2= 130 m2 tương ứng 1.300.000.000 đồng.

[3]. Xét di chúc lập ngày 02/9/2010 của cụ Bé

Nhận thấy, di chúc ngày 02/9/2010 của cụ Bé có 02 người làm chứng là bà Hường và bà Hợp. Hai người làm chứng này đều phù hợp với tư cách người làm chứng di chúc theo quy định tại Điều 654 Bộ luật dân sự 2005. Bà Hường và bà Hợp xác nhận có được cụ Bé nói về nội dung di chúc và ký vào bản di chúc tại nhà ông Yên, trước mặt cụ Bé và ông Yên.Tại phiên tòa hôm nay, tất cả các

bên đương sự đều xác nhận di chúc này thể hiện đúng ý chí của cụ Bé và do cụ Bé để lại. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì bản di chúc pho to mà ông Dương xuất trình và được các đương sự khác công nhận là tình tiết không phải chứng minh. Do đó, có căn cứ xác định ngày 02/9/2010 cụ Bé có để lại di chúc đúng với bản di chúc pho to mà ông Dương xuất trình.

Xét về tính hợp pháp của bản di chúc:

Theo quy định tại 656 Bộ luật dân sự 2005quy định: *" Trường hợp người lạp di chúc không thể tự mình viết bản di chúc thì có thể nhờ người khác viết nhưng phải có ít nhất hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc."*

Theo quy định tại khoản 1 Điều 652 Bộ luật dân sự 2005 quy định: " Di chúc được coi là hợp pháp phải có đủ các điều kiện sau đâu:

a, Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lạp di chúc, không bị đe dọa, lừa dối hoặc cưỡng ép;

b, Nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của pháp luật."

Đối chiếu với các quy định pháp luật nêu trên thì có đủ cơ sở xác định di chúc lập ngày 02/9/2011 của cụ Bé được coi là hợp pháp.

Bản án sơ thẩm chỉ căn cứ vào việc bản di chúc này không được công chứng, chứng thực mà xác định là không hợp pháp là không đúng.

Theo bản di chúc này, cụ Bé trích 84 m2 đất trả cho bà Hiền vì việc vợ chồng bà Hiền đã bỏ ra số tiền 35.000 đồng đưa ông Cường mua đất tạo chỗ ở khác cho cụ và ông Cường theo yêu cầu của cụ Bé; phần diện tích đất còn lại chia đều cho 4 người con còn lại (trừ ông Cường). Tuy nhiên, cụ Bé chỉ có quyền định đoạt phần đất thuộc quyền sử dụng của cụ mà không có quyền định đoạt cả phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của cụ Thỏa. Do vậy, cần xác định di chúc lập ngày 02/9/2011 của cụ Bé chỉ có hiệu lực một phần đối với phần đất thuộc quyền sử dụng của cụ.

[4]. Do đó, di sản của cụ Bé cần chia thừa kế theo bản di chúc lập ngày 02/9/2010. Cụ Thỏa chết năm 1978, không để lại di chúc nên di sản của cụ Thỏa được chia theo pháp luật.

[5]. Chia thừa kế của cụ Thỏa: Thời điểm mở thừa kế của cụ Thỏa là năm 1974. Di sản thừa kế của cụ Thỏa là 130 m2 đất thửa 271 thôn Gạch.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thỏa là: Cụ Bé, ông Chương, ông Dương, ông Yên, bà Ngọc, ông Cường.

Mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng là: 130: 6= 21,67 m2 trị giá 216.700.000 đồng.

Ông Chương đã chết tháng 5 năm 2011 nên bà Hiền và 04 con ông Chương là Long, Tuấn, Hải, Lan được nhận kỷ phần của ông Chương.

[6]. Chia thừa kế của cụ Bé theo di chúc ngày 02/9/2010. Thời điểm mở thừa kế của cụ Bé là tháng 9/2010.

Di sản của cụ Bé (kể cả phần được hưởng thừa kế của cụ Thỏa) là: 130 m2 + 21,67 m2= 151,67 m2

- Phân chia thừa kế theo di chúc của cụ Bé. Cụ thể như sau:

Phần đất thuộc quyền sử dụng của cụ Bé là 151,67 m2. Cụ Bé trả cho bà Hiền 84 m2 đất. Diện tích đất còn lại là 151,67 m2 – 84 m2 = 67,64m2 được chia đều cho 4 người con của cụ là ông Chương (do các con ông Chương là các anh, chị Long, Tuấn, Hải, Lan hưởng thừa kế thế vị), ông Dương, ông Yên và bà Ngọc. Mỗi kỷ phần được hưởng là: 67,64 m2 : 4 = 16,92m2; trị giá 16,92 m2 x 10.000.000 đ/m2= 169.200.000 đồng.

Như vậy: Tổng cộng kỷ phần của bà Hiền, các con bà Hiền và của ông Cường do bà Hiền đại diện nhận là: 34,7 m2+ 84 m2+ 16,92m2+21,67x2 m2= 178,96m2; trị giá 1.789.600.000 đồng.

Kỷ phần của ông Dương = bà Ngọc = ông Yên là: 16,92m2+21,67m2= 38,59m2 trị giá 385.900.000 đồng.

[7]. Chia bằng hiện vật: Để tránh việc xáo trộn và để ổn định chỗ ở của gia đình bà Hiền và đảm bảo việc sử dụng phần đất được chia có hiệu quả, căn cứ vào nhu cầu sử dụng đất của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy cần chia hiện vật cho gia đình bà Hiền, ông Dương và ông Yên; chia kỷ phần của bà Ngọc bằng giá trị. Cụ thể như sau:

Trích 37,5 m2 đất làm ngõ đi chung. Gia đình bà Hiền, ông Dương, ông Yên mỗi người chịu kỷ phần ngõ đi chung là: 37,5 m2 : 3= 12,5 m2 trị giá 125.000.000 đồng.

Phần diện tích đất còn lại là 256,2 m2.

Chia cho gia đình bà Hiền phần diện tích đất trên có nhà 3 tầng của vợ chồng anh Tuấn chị Bích là 83,9 m^2 và trên phần diện tích đất có nhà cấp 4 (do vợ chồng bà Hiền xây dựng từ năm 1984) là 81,4 m2. Tổng cộng là: 165,3 m2, trị giá 1.653.000.000 đồng, cộng trị giá lối đi chung là 125.000.000 đồng, tổng cộng là 1.778.000.000 đồng. So với kỷ phần được hưởng là 1.789.600.000 đồng, còn thiếu 11.600.000 đồng.

Bà Hiền đại diện cho cả 04 con bà là các anh, chị: Long, Tuấn, Hải, Lan nên việc bà Hiền có yêu cầu chia trực tiếp cho vợ chồng anh Tuấn chị Bích mà

các con khác của bà Hiền chưa có ý kiến đồng ý và trong vụ án này không chia thừa kế của ông Chương nên việc bản án sơ thẩm chia trực tiếp phần đất có nhà 3 tầng cho vợ chồng anh Tuấn chị Bích là vượt quá yêu cầu của đương sự.

- Chia cho ông Yên diện tích đất 43,8 m2 giáp phần nhà 3 tầng, trị giá 438.000.000 đồng. Cộng trị giá lối đi chung là 125.000.000 đồng, tổng cộng là 563.000.000 đồng. So với kỷ phần được hưởng là 385.900.000 đồng, dư ra là 171.890.000 đồng.

Chia cho ông Dương diện tích đất 48,1 m2 giáp nhà cấp 4 của gia đình bà Hiền, trị giá 481.000.000 đồng. Cộng trị giá lối đi chung là 125.000.000 đồng, tổng cộng là 606.000.000 đồng. So với kỷ phần được hưởng là 385.900.000 đồng; dư ra là 220.100.000 đồng.

Ông Dương phải thanh toán chênh lệch cho bà Ngọc là 220.100.000 đồng;

Ông Yên phải thanh toán chênh lệch cho bà Ngọc là 165.800.000 đồng, thanh toán cho gia đình bà Hiền(do bà Hiền đại diện nhận) là 11.600.000 đồng.

Bà Ngọc được nhận thừa kế số tiền là 385.900.000 đồng do ông Dương thanh toán là 220.100.000 đồng và ông Yên thanh toán là 165.800.000 đồng.

(Có sơ đồ phân chia cụ thể kèm theo)

[8]. Các tài sản do gia đình bà Hiền phát triển trên đất năm 2015-2016 nằm trên phần đất chia cho ông Dương và ông Yên gồm: sân láng xi măng, 01 trụ cổng gạch, 2 cánh cổng sắt, 01 giếng khoan, 01 bể lọc, mái tôn khung thép. Do các tài sản này được làm sau khi có việc tranh chấp nên gia đình bà Hiền sẽ phải dỡ bỏ để trả lại đất cho ông Yên, ông Dương; còn những tài sản do gia đình bà Hiền đã làm trước thời điểm xảy ra tranh chấp thuộc phần đất giao cho ông Yên, ông Dương thì ông Yên, ông Dương có trách nhiệm thanh toán lại giá trị cho gia đình bà Hiền. Cụ thể: Ông Yên phải thanh toán cho gia đình bà Hiền 01 giếng khoan làm năm 1990 có giá trị 1.026.000 đồng

Phần mái tôn làm trên phần ngõ đi chung gia đình bà Hiền cũng tự tháo dỡ để đảm bảo cho việc sử dụng ngõ đi của các bên được thuận tiện.

Bà Hiền tự nguyện tháo dỡ bể lọc, bể chứa nước và đoạn tường bao cũ do bà Hiền và ông Chương xây dựng giáp phần rãnh tiêu thoát nước phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[9]. Về án phí DSST: Các đương sự được chia thừa kế phải chịu án phí trên kỷ phần của mình được chia.

Tuy nhiên, bà Hiền, ông Dương, ông Yên, bà Ngọc đều trên 60 tuổi nên được miễn án phí. Ông Cường và 4 con ông Chương phải chịu án phí trên kỷ phần mình được chi. Bà Hiền nhận kỷ phần của ông Cường và 04 con nên bà phải chịu án phí của kỷ phần mà ông Cường và 04 con bà Hiền. Cụ thể: bà Hiền

phải chịu án phí dân sự sơ thẩm thay cho ông Cường và 4 con bà là: 385.900 đồng x 5% = 19.300.000 đồng.

[10]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do ông Cường đã nộp được sung công quỹ Nhà nước.

Bà Hiền không phải chịu án phí phúc thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự

Sửa bản án sơ thẩm số 108/2019/DS-ST ngày 10/5/2019 của Tòa án huyện Hoài Đức và xử cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức Dương việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Đức Thỏa và cụ Bá Thị Bé.

2. Xác định diện tích đất 294,7m^2, thửa 271 (theo bản đồ lập năm 2004) địa chỉ: Thôn Gạch, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội có giá trị là 2.947.000.000đ *(Hai tỷ, chín trăm bốn mươi bảy triệu đồng*) là di sản của cụ Nguyễn Đức Thỏa và cụ Bá Thị Bé, có công sức tu tạo, phát triển của vợ chồng ông Chương bà Hiền.

3.Trích công sức tôn tạo, phát triển đất của ông Chương bà Hiền là 34,7 m2 trị giá 347.000.000 đồng *(Ba trăm bốn mươi bảy triệu đồng*).

4. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Bảy khước từ nhận thừa kế của cụ Bốn.

5. Chia tài sản chung vợ chồng cho cụ Thỏa, cụ Bé mỗi cụ được hưởng là 130 m2 đất, trị giá 1.300.000.000 đồng (*Một tỷ, ba trăm triệu đồng*).

6. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Thỏa là năm 1974, thời điểm mở thừa kế của cụ Bé là tháng 9/2011.

7. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thỏa gồm: Cụ Bé, ông Nguyễn Đức Dương, ông Nguyễn Đức Yên, bà Đức Thị Ngọc, ông Nguyễn Đức Cường và các con của ông Chương gồm: Anh Nguyễn Đức Hải, anh Long, anh Nguyễn ĐứcTuấn, chị Đức Thị Lan.

8. Xác nhận di chúc lập ngày 02/9/2010 của cụ Bé có hiệu lực một phần.

9. Chia thừa kế của cụ Thỏa theo pháp luật cho 6 kỷ phần thừa kế là cụ Bé và 05 con là ông Chương, ông Dương, ông Yên, bà Ngọc và ông Cường. Mỗi kỷ phần được chia 21,67 m2 đất trị giá 216.700.000 đồng (*Hai trăm mười sáu triệu, bảy trăm ngàn đồng)*.

10. Ông Chương đã chết tháng 5 năm 2011 nên bà Hiền và 04 con ông Chương là các anh, chị: Anh Nguyễn Đức Hải, anh Long, anh Nguyễn ĐứcTuấn, chị Đức Thị Lan được nhận kỷ phần của ông Chương.

11. Chia thừa kế của cụ Bé theo di chúc ngày 02/9/2010.

11.1. Di sản của cụ Bé (kể cả phần được hưởng thừa kế của cụ Thỏa) là: 130 m2 + 21,67 m2= 151,67m2 trị giá 1.516.700.000 đồng *(Một tỷ, năm trăm mười sáu triệu, bảy trăm ngàn đồng)*

11.2. Phân chia thừa kế theo di chúc của cụ Bé cụ thể như sau:

Phần đất thuộc quyền sử dụng của cụ Bé là 151,67m2.

- Cụ Bé trả cho bà Hiền 84 m2 đất

- Diện tích đất còn lại là 151,67m2 – 84 m2 = 67,64 m2 được chia đều cho 4 người con của cụ là ông Chương (do các con ông Chương là các anh chị Anh Nguyễn Đức Hải, anh Long, anh Nguyễn ĐứcTuấn, chị Đức Thị Lan hưởng), ông Dương, ông Yên, và bà Ngọc. Mỗi người được hưởng là: 67,64 m2 : 4 = 16,92 m2, trị giá 169.200.000 đồng *(một trăm sáu chín triệu, hai trăm ngàn đồng)*.

12. Ghi nhận ông Cường nhường kỷ phần của mình cho bà Hiền.

13. Tổng cộng kỷ phần của bà Hiền và các con bà Hiền (kể cả kỷ phần của ông Cường cho) do bà Hiền đại diện nhận là: 178,96 m2 trị giá 1.789.600.000 đồng (*Một tỷ, bảy trăm tám chín triệu, sáu trăm ngàn đồng*).

Kỷ phần của ông Dương = bà Ngọc = ông Yên là: 38,59 m2 trị giá: 385.900.000 đồng (*Ba trăm, tám mươi lăm triệu, chín trăm đồng*).

14. Chia bằng hiện vật: Chia hiện vật cho gia đình bà Hiền, ông Dương, ông Yên.

14.1. Trích 37,5 m2 đất làm ngõ đi chung. Gia đình bà Hiền, ông Dương, ông Yên mỗi người chịu kỷ phần ngõ đi chung là: 37,5 m2 : 3= 12,5 m2 trị giá 125.000.000 đồng.

14.2. Chia cho gia đình bà Hiền phần diện tích đất trên có nhà 3 tầng của vợ chồng anh Tuấn chị Bích đang ở là 83,9 m^2 và trên phần diện tích đất có nhà cấp 4 (do vợ chồng bà Hiền xây dựng từ năm 1984) là 81,4 m2. Tổng cộng là: 165,3 m2, trị giá 1.653.000.000 đồng, cộng trị giá lối đi chung là 125.000.000 đồng, tổng cộng là 1.778.000.000 đồng *(Một tỷ, bảy trăm bảy tám triệu đồng)*. So với kỷ phần còn thiếu 11.600.000 đồng *(Mười một triệu, sáu trăm ngàn đồng)*.

14.3. Chia cho ông Yên diện tích đất 43,8 m2 giáp phần nhà 3 tầng, trị giá 438.000.000 đồng. Cộng trị giá lối đi chung là 125.000.000 đồng, tổng cộng là 563.000.000 đồng *(Năm trăm sáu mươi ba triệu đồng)*. So với kỷ phần được hưởng dư ra là 178.900.000đồng *(Một trăm bảy mươi tám triệu, chín trăm ngàn đồng)*.

14.4. Chia cho ông Dương diện tích đất 48,1 m2 giáp nhà cấp 4 của gia đình bà Hiền, trị giá 481.000.000 đồng. Cộng trị giá lối đi chung là 125.000.000 đồng, tổng cộng là 606.000.000 đồng *(Sáu trăm linh sáu triệu đồng)*. So với kỷ phần được hưởng dư ra là 220.100.000 đồng*(Hai trăm hai mươi triệu, một trăm ngàn đồng)*.

(Có sơ đồ phân chia cụ thể kèm theo)

15. Ông Dương phải thanh toán chênh lệch cho bà Đức Thị Ngọc số tiền là 220.100.000 đồng*(Hai trăm hai mươi triệu, một trăm ngàn đồng)*;

Ông Yên phải thanh toán chênh lệch cho bà Ngọc số tiền là 165.800.000 đồng (*Một trăm sáu mươi lăm triệu, tám trăm ngàn đồng)*, thanh toán cho gia đình bà Hiền(do bà Hiền đại diện nhận) là 11.600.000 đồng (*Mười một triệu, sáu trăm ngàn đồng*).

16. Bà Đức Thị Ngọc được nhận thừa kế số tiền là 385.900.000 đồng (ba trăm tám mươi lăm triệu, chín trăm ngàn đồng) do ông Dương thanh toán là 220.100.000 đồng *(Hai trăm hai mươi triệu, một trăm ngàn đồng)* và ông Yên thanh toán là 165.800.000 đồng *(một trăm sáu mươi lăm triệu, tám trăm ngàn đồng)*.

17. - Các tài sản do gia đình bà Hiền phát triển năm 2015-2016 trên diện tích đất chia cho ông Dương, ông Yên bao gồm: sân láng xi măng, 01 trụ cổng gạch, 2 cánh cổng sắt, 01 giếng khoan, 01 bể lọc, mái tôn khung thép gia đình bà Hiền sẽ phải tự dỡ, di dời để trả lại đất cho ông Yên, ông Dương.

- Ông Yên phải thanh toán cho gia đình bà Hiền giá trị 01 giếng khoan làm năm 1990 trên đất ông Yên được chia là: 1.026.000 đồng *(Một triệu, không trăm hai sáu ngàn đồng*).

- Phần mái tôn làm trên phần ngõ đi chung gia đình bà Hiền tự tháo dỡ để đảm bảo cho việc sử dụng ngõ đi chung của các bên được thuận tiện.

- Bà Hiền tự tháo dỡ bể lọc, bể chứa nước và đoạn tường bao cũ do bà Hiền và ông Chương xây dựng giáp phần rãnh tiêu thoát nước.

18. Các đương sự được chia đất có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký phần đất mình được chia theo quy định của pháp luật.

19. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền phải thi hành thì bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với các khoản tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

20. Trường hợp bản án được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

21. Về án phí dân sự sơ thẩm:

21.1. Miễn án phí cho ông Nguyễn Đức Dương, ông Nguyễn Đức Yên, bà Đức Thị Ngọc và bà Xuân Thị Hiền.

Ông Nguyễn Đức Dương được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là : 5000.000 đ (*Năm triệu đồng*) ông đã nộp theo BL số 0009754 ngày 01/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức.

21.2. Bà Hiền phải chịu án phí dân sự sơ thẩm thay cho ông Cường và 4 con bà là các anh chị Long, Tuấn, Hải, Lan số tiền: 19.300.000 đồng (*Mười chín triệu, ba trăm ngàn đồng*)

22.Về án phí dân sự phúc thẩm:

22.1. Bà Xuân Thị Hiền không phải chịu án phí phúc thẩm, bà được nhận lại 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại các BL số 0008888 ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức.

22.2. Sung công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) ông Nguyễn Đức Cường đã nộp tại BL số 0008884 ngày 16/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 17/9/2019.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND H. Hoài Đức;*
- *VKSND TP. Hà Nội*
- *THADS huyện Hoài Đức;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy